



Nhận thức luận về “tam tự tính” của duy thức

ISSN: 2734-9195

09:25 14/09/2025

Khi đã tự giải thoát, thường trụ trong chân lý không sinh không diệt mà nhìn ra để giúp đỡ cuộc đời thì cũng thấy có sinh có diệt, có đến có đi, nhưng cái sinh diệt đến đi này là sinh diệt đến đi trong tính Không, trong như huyễn.

Tác giả: **Thích nữ Liên Phú**

Học viên Cao học K.3, ngành Triết học Phật giáo

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Mở đầu: Con người có khổ đau sinh ra do sự chấp chước về cái ta và cái của ta khiến lặn hụp trong biển khổ sinh tử.

Tiến trình đi từ sự chấp chước, vô minh đến làm sáng tỏ chân như, thanh tịnh duy thức sử dụng cụm từ tam tự tính để nói về nó. Sự chấp chước vô minh được ví như rác, đạt được sự thanh tịnh ví như hoa, từ đó mà có sự hiểu biết bất nhị:

“Trong rác có sẵn hoa

Trong hoa có sẵn rác

Hoa và rác không hai

Mê và giác tương tức”

(Kệ 42, Duy biểu học, Thích Nhất Hạnh)

Từ khóa: vô minh, chấp chước, tam tự tính, chân như, thanh tịnh, duy thức học, bất nhị

I. Định nghĩa về tam tự tính của duy thức

1. Duy thức

Duy thức, tiếng Phạn gọi là Vijnana hoặc là Vijnapti. Vì có nghĩa là phân biệt, nhận thức, phần chính được dịch là thức. Vijnapti được dịch là thức, có khi được dịch là biểu biệt, tức biểu thị hay hiển thị sự phân biệt.

Luận “Duy thức tam thập tụng” định nghĩa về duy thức như sau:

“Thị chư thức chuyển biến,

Phân biệt sở phân biệt,

Do thử bỉ giai vô,

Cố nhất thiết duy thức”.

Nghĩa là các thức chuyển biến sinh ra kiến phần năng phân biệt, chủ thể nhận thức và tướng phần sở phân biệt, tức đối tượng nhận thức. Cả hai phần năng sở ấy đều không thật có, nên nói tất cả các pháp đều do thức biến.

Tóm lại, duy thức có nghĩa là tất cả các pháp đều không tồn tại ngoài thức.

2. Tam tự tính

Theo duy thức học mà Alaya là thức căn bản thì mỗi sự vật đều có ba tự tính. Ba tự tính bao gồm tự tính Biến kể sở chấp, tự tính Y tha khởi và tự tính Viên thành thật. Duy thức tam thập tụng định nghĩa về tam tự tính như sau:

Do bỉ bỉ biến kế

Biến kế chủng chủng vật

Thử biến kế sở chấp

Tự tính vô sở hữu.

Y tha khởi tự tính

Phân biệt duyên sở sinh

Viên thành thật ư bỉ

Thường viễn ly tiền tính.

Cố thử dữ y tha

Phi dị phi bất dị

Như vô thường đẳng tính

Phi bất kiến thử bỉ.

Nghĩa:

Do chủ thể biến kế

Có đối tượng biến kế

Tự tính biến kế chấp

Vốn là không thật có.

Tự tính y tha khởi

Do phân biệt duyên sinh

Tự tính viên thành thật

Là lìa hẳn tính trước.

Nên nó cùng y tha

Không khác, không không khác

Như các tính vô thường

Không này cũng không kia.

II. Nhận thức luận về duy thức tam tự tính

1. Định nghĩa về nhận thức luận



Nhận thức luận hay Tri thức luận (Epistemology) là khuynh hướng triết học nghiên cứu về bản chất, nguồn gốc và phạm vi của quá trình nhận thức.(1)

2. Nhận thức luận về tam tự tính

2.1 Tự tính biến kế sở chấp (*Parikalpita svabhava*)

Biến là biến khắp, phổ biến; kế là phân biệt, so đo; chấp là chấp trước, bảo thủ; tự tính (*Svabhava*) là tính riêng biệt, là cái bản chất của chính nó. Như vậy “Tự tính biến kế chấp là thứ nhận thức do vọng tưởng phân biệt chấp trước các pháp duyên sinh cho là thật có”.

Theo Luận thành duy thức đề cập biến kế sở chấp có hai phần:

Năng biến kế: Theo quan điểm của Ngài An Huệ thì tám thức và các tâm sở, thuộc hữu lậu thấy đều là biến kế. “Vì chúng do sự huân tập hư vọng sinh ra tựa như hai là kiến phần và tướng phần, tức là năng thủ và sở thủ. Tướng hai thứ đó gọi là Biến kế sở chấp”(2).

Quan điểm của Ngài Hộ Pháp, các tâm phẩm thứ sáu và thứ bảy, chúng chấp ngã và pháp, là những cái biến kế. Lại có nhận định: “*Năm thức trước và thức thứ tám chỉ duyên cảnh tự tính bằng hiện lượng nên không có Biến kế chấp. Mặt khác, thức thứ sáu và bảy cùng với những tâm sở của chúng dùng tỷ lượng duyên cảnh đối chất, do đó có đặc tính vọng tưởng phân biệt chấp trước đối với*

các pháp cho là thật có”(3). Theo nhận định này xem ra có sự tương đồng quan điểm của Ngài Hộ Pháp.

Sở biến kế: Theo Nhiếp Đại thừa thì tự tính của cái bị Biến kế là Y tha khởi vì là “sở duyên”, duyên của tâm biến kế các thứ. Lại có quan điểm cho rằng, qua lăng kính vọng tưởng phân biệt của ý thức và mặt na, các pháp không còn được nhận thức đúng mà được dán lên nhãn hiệu ngã tướng, pháp tướng.

Ví dụ, có những người sợ chó, lý do là trong tiềm thức của họ lưu dấu lần đã bị chó cắn hoặc thấy những con chó rất hung dữ hay vồ người. Ấn tượng đó khắc sâu trong tâm trí họ. Cho nên lần nào thấy chó là người đó lại hét lên, bỏ chạy và rất sợ hãi. Tuy nhiên không phải con chó nào cũng dữ và không phải ai cũng sợ chó. Cái sợ của người đó là cái biến kế sở chấp của chính họ. Họ cho rằng hề gặp chó là gặp sự nguy hiểm, họ suy diễn ra rất nhiều việc có thể xảy đến gây hại cho họ khi con chó tiếp xúc với họ. Như vậy, chưa biết được con chó có dữ hay không nhưng ý thức của người đó luôn vẽ vời ra rất nhiều thứ tiêu cực và cho đó là những suy nghĩ đúng, cứ như thế cái đau khổ khi gặp con chó ngày một tăng lên mà không thể hóa giải được.

Biến kế ở đây chỉ cho hành tướng biến đổi của ý thức, nghĩa là tam cảnh (tính cảnh, độc ảnh cảnh và đới chất cảnh), sáu trần, các phiền não... đều là đối tượng của ý thức nên gọi là biến. Ý thức luôn phân biệt so đo nên gọi là kế. Nhưng bản chất của các pháp vốn không có tự tính, ý thức nương nơi các pháp mà phát sinh nhận thức do đó mà tự tính của nó cũng không thật có.

2.2. Tự tính y tha khởi (Paratantra svabhava)

Y tha là nương vào cái khác. Tại vì tất cả mọi sự vật đều nương vào hiện tượng khác mà phát khởi nên gọi là Y tha khởi. Sự phân biệt phát sinh do bởi các duyên, nên biết, đó là đề cập Y tha về phần nhiễm. Do đó mà nói: “Y tha khởi tự tính, phân biệt duyên sở sinh”. Trong đó nếu gặp các duyên ô nhiễm thì tính đó là Biến kế sở chấp, ngược lại duyên khởi không ô nhiễm thì tính đó được thanh tịnh.

Quan điểm của Ngài Hộ Pháp, hết thấy tâm và tâm sở, do bị chi phối bởi sự huân tập, biến thành hai phần. Hai phần như vậy được sản sinh bởi các duyên, do đó cũng là Y tha khởi. Kinh Lăng Già nói: “Y tha khởi tính sinh khởi từ sự phân chia của chủ thể và đối tượng”.

Ví dụ một bông hoa, do nương vào các duyên khác như đất, nước, con người, ánh sáng... mà có, do đó có thể nói tự tính của bông hoa là Y tha khởi. Nếu chúng ta quán được tính y tha của nó, ta sẽ nhận ra rằng bông hoa vốn không

thật có, do các duyên hợp lại mà có ra. Cũng vậy, Y tha khởi cũng chính là tự tính của vạn vật. Nhận thức được tự tính Y tha khởi của sự vật, ta có thể tránh được những sai lầm như tà kiến, kiến thủ, vọng tưởng điên đảo về ta và cái của ta.

2.3. Tự tính viên thành thật (*Parinispanna svabhava*)

Thật tính của các pháp thành tựu viên mãn được hiển thị bởi hai không, đó gọi là Viên thành thật. Tính thể chính là chân như, tuyệt đối loại trừ tính đầu tiên là Biến kế sở chấp nơi Y tha khởi, cho nên nói: “Viên thành thật ư bỉ, thường viễn ly tiền tính”.

Kinh Giải Thâm Mật nói: “Viên thành thật tính là Chân như bình đẳng của tất cả các pháp”. Kinh Lăng Già cũng đề cập về phương diện này như sau: “Viên thành thật tính được chứng ngộ khi người ta xua tan những ý niệm phân biệt về hình tướng, tên gọi, đặc tính và sự chấp thật. Đó là sự chứng ngộ bên trong bằng trí huệ bậc thánh. Viên thành thật tính này là thể tính của Như Lai tạng”.

“Cố thử dĩ y tha, phi dị phi bất dị”. Ở phần trên có nhắc đến khi duyên khởi không nhiễm ô thì tính y tha thanh tịnh. Khi được thanh tịnh thì chính nó cũng là Viên thành thật tính, không hai.

Tuy nhiên không phải rằng không chứng Viên thành thật này mà có thể thấy được Y tha khởi tính kia. Vì nếu chưa thấu triệt tính thể của Biến kế sở chấp là không, thì không thể biết một cách như thật về sự tồn tại của Y tha, sau khi trí vô phân biệt chứng chân như, bấy giờ ở trong trí hậu đắc mới có sự thấu triệt sự thể như huyễn nơi Y tha.

Như vậy, Viên thành thật tính là Chân như, tính Không, Như Lai tạng tính, Phật tính, Pháp thân... Theo quan điểm Đại thừa, cái này vốn có sẵn nơi mỗi chúng sinh. Viên thành thật tính là thực tại bất sinh bất diệt, bất lai bất khứ, bất nhất bất dị... nó cũng chính là thực tính của Duy thức.

2.4. Sự liên hệ của tam tự tính với các pháp.

Ba tính này liên hệ với các pháp: Tâm, Tâm sở, Chân như, Năm uẩn, Vô vi... Nó được biểu hiện như sau:

Ba tự tính này không lìa Tâm và Tâm sở hữu pháp. Nghĩa là Tâm, Tâm sở và những cái được biểu hiện đều xuất hiện do các duyên. Như hư không chẳng hạn, tính và tướng đều hoàn toàn không, hết thấy đều được gọi là Biến kế sở chấp. Ngã pháp bị chấp trước sai lầm căn cứ trên Y tha thấy đều không. Chân tính của thức các thứ được hiển thị bởi cái không này được gọi là Viên thành

thật. Cho nên cả ba tính này đều không tách biệt ngoài Tâm.

Lại nói là nó liên hệ với Chân như, trong đó Chân như có bảy:

- 1. Lưu chuyển Chân như, thật tính của sự lưu chuyển các pháp hữu vi.*
- 2. Thật tướng Chân như, thật tính được hiển thị bởi hai vô ngã.*
- 3. Duy thức Chân như, thật tính duy thức của pháp nhiễm và tịnh.*
- 4. An lập Chân như, thật tính của khổ.*
- 5. Tà hành Chân như, thật tính của tập.*
- 6. Thanh tịnh Chân như, thật tính của diệt.*
- 7. Chính hành Chân như, thật tính của đạo.*

Bảy Chân như này được bao hàm trong Viên thành thật, vì là đối tượng của hai trí căn bản và hậu đắc. Nếu theo các đặc tính thứ yếu, ba Chân như: lưu chuyển, khổ, tập được bao hàm trong Biến kế sở chấp tính và Y tha khởi tính, vì là tạp nhiễm vọng chấp. Bốn Chân như còn lại thuộc về Viên thành thật.

Trong sáu pháp gồm Năm uẩn hữu vi và Vô vi thì tất cả chúng đều đủ cả ba tính. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức và Vô vi đều có ý nghĩa vọng chấp và duyên sinh. Xét về Vô vi có sáu đó là hư không vô vi, trạch diệt vô vi, phi trạch diệt vô vi, bất động diệt vô vi, tưởng thọ diệt vô vi, chân như vô vi. Như bài kệ trong kinh Lăng Nghiêm nói:

“Chân tính, hữu vi không,

Duyên sinh cố, như huyễn,

Vô vi vô khởi diệt,

Bất thật, như không hoa”.

Bài kệ cho chúng ta thấy được rằng chân tính, các pháp hữu vi là không thật có, vì đều là những pháp duyên sinh, giống như trò huyễn hóa; các pháp vô vi không sinh diệt cũng không thật có, giống như hoa đốm giữa hư không. Lại nói: *“Do tâm hữu lậu duyên Vô Vi thì Vô Vi đó thuộc về Y Tha Khởi. Tâm Vô Lậu duyên Vô Vi thì Vô Vi đó thuộc về hai tính. Vì do duyên sinh nên nó thuộc về Y Tha; do tâm không điên đảo nên nó thuộc về Viên Thành Thật”(4).*

III. Hoạt dụng của nhận thức luận về tam tự tính trong đời sống

1. Chuyển hóa khổ đau nhờ nhận thức tự tính Biến kế chấp

Con người khổ đau là do sự chấp chước vào các pháp, do sự vô minh, ngu muội chúng ta không chịu buông bỏ cái khiến chúng ta đau khổ, không thấy rõ được các pháp do duyên giả hợp mà mãi phân biệt, suy tính hơn thiệt. Nhưng một khi hiểu được những tự tính ấy không phải chính nó tự có mà là do những tạo tác của tâm ý phát sinh, chính cái phân biệt bỉ thử, chấp trước vạn pháp là thực có làm cho cái khổ đau không thể loại trừ. Hiểu được điều này thì khổ đau sẽ tự chấm dứt.

Một ví dụ cụ thể, ta thấy rằng cha mẹ trách móc, nổi giận, buồn bực với mình. Chúng ta có thể cảm nhận được sự bực nhọc của cha mẹ và nó khiến cho chúng ta cảm thấy mệt mỏi, buồn và không thích tiếp xúc với cha mẹ.

Khi nhận ra được nó do cái tự tính Biến kế sinh ra, thì ta sẽ hiểu được chính chúng ta làm cho chúng ta mệt mỏi vì chúng ta chấp có cái ta này, không phải là cha mẹ của chúng ta tạo ra cái đau khổ cho ta. Nhận thức được như vậy chắc hẳn khổ đau sẽ vơi đi, ta sẽ cảm thấy dễ dàng chấp nhận sự thật rằng cái mà ta chấp trước nó cũng chỉ là cái ngoài ta, có sự chấp trước chính là có khổ đau, đau khổ buồn rầu vì một thứ không thật sẽ không có ích gì ngoài việc tự hại bản thân mình.

2. Quán chiếu để đạt lòng đại bi nhờ nhận thức tự tính Y tha khởi

Như trên đã nói do sự chấp trước các pháp là thật có nên con người khổ đau, nếu chúng ta biết quán tính Y tha của các pháp sẽ giúp cho chúng ta hiểu rõ được ngọn ngành các pháp đều do các duyên nương tựa mà có ra cái bỉ thử, hữu vô, cấu tịnh...

Quán chiếu tính Y tha chính là sử dụng vô thường quán, vô ngã quán và nhân duyên quán để nhìn thật kĩ, thật sâu sắc về các pháp. Như vậy khi chúng ta nghe, thấy hay tiếp xúc với bất cứ cái gì chúng ta đều phải sử dụng các phép quán này để thấy rõ tính không thật có của các pháp. Như trong thế giới Hoa Nghiêm đã đề cập: “Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”, nghĩa là “Tất cả là một, một là tất cả”. Vậy thì ta không còn chấp trước cái ta, cái của ta nữa.

Như ví dụ đã đề cập, khi quán chiếu tính Y tha, chúng ta sẽ tìm ra được cái buồn, cái mệt mỏi đó do chính tâm ta biến hiện. Khi quán, chúng ta sẽ khởi lên được cái tâm từ bi, chúng ta sẽ cảm thấy thương cha mẹ thật nhiều, thay vì việc chỉ đứng đó mà trách móc cha mẹ thế này thế khác, thì nên trách mình quá vô tư lại không hiểu được nỗi nhọc nhằn của cha mẹ. Nhờ đó mình có thể tự chuyển hóa bản thân để mối quan hệ giữa chúng ta và cha mẹ trở nên tốt đẹp hơn thay vì việc đổ lỗi.

Trong cuộc sống cũng vậy, chúng ta sẽ gặp phải những người không đáng ưa bởi những hành vi, những biểu hiện không dễ thương của họ. Khi quán tính Y tha, chúng ta sẽ thấy được có lẽ do hoàn cảnh gia đình, xã hội, họ thiếu đi tình thương hoặc điều gì đó khủng khiếp đã đẩy họ trở thành như vậy. Ngược lại, chúng ta có thể có rất nhiều điều kiện hơn người khác, nghĩa là chúng ta có phước hơn họ ở mặt nào đó. Học cách thấy được người không dễ thương ấy đáng thương hơn là đáng trách, đáng được quan tâm hơn là sự lên án.

Tóm lại khi quán tính Y tha của các pháp, chúng ta sẽ thấy được cái nguồn cội của các pháp, nhờ vậy có thể bao dung tha thứ cho những điều trái ý nghịch lòng. Có thể thấy được một sự vật hiện tượng hiển hiện trước mắt chúng ta không chỉ là một thực thể cố định mà nó do nhiều duyên hợp lại mà thành.

3. Hướng tâm tuệ giác nhờ nhận thức tự tính Viên thành thật

Trong Duy biểu học của Thiền sư Nhất Hạnh có trình bày bài kệ:

“Quán chiếu tính y tha

Vô minh thành tuệ giác

Luân hồi và chân như

Tuy hai mà thành một”.

Như bài kệ trình bày thì nhờ quán chiếu được tính Y tha mà chuyển hóa cái vô minh để đạt thành tuệ giác. Một khi tuệ giác được hé mở thì chúng ta sẽ thấy được thực tại không sinh không diệt, không đến không đi, không một không hai, không có không không... nghĩa là, khi quán chiếu một cách triệt để thì chúng ta không còn phân biệt bất cứ điều gì nữa, với tuệ giác thấy rõ vạn pháp không thật sự có, không còn chấp chước, bám víu vào các pháp để đạt được Chân như tịch tịnh.

Một khi tuệ giác đã hiển hiện thì mọi sự vật, sự việc chúng ta tiếp xúc đều được soi rọi bằng con mắt tuệ giác. Chúng ta biết buông bỏ những tác nhân xấu thay vào đó chuyển hóa tự thân không còn chấp cái ngã của tự thân, cũng không còn bám víu vào cảnh để phải khổ đau, như vậy, mình sẽ được thân, tâm thanh tịnh, trí tuệ phát sinh.

Kết luận

Tóm lại theo ba tính của Duy thức, tướng của Biến kế sở chấp tính phải được chuyển hóa thành tướng vô tính. Tướng một khi đã vô tính hay vô tự tính, thì đó là Viên thành thật tính. Đó là duyên khởi của chân lý tương đối. Đó là sự hiểu biết của thức. Một hành giả đạt đến trí, đạt đến chân lý tuyệt đối thì các pháp đều không sinh không diệt. Đó là cái thấy của trí tuệ, do đó mà giải thoát. Khi đã tự giải thoát, thường trụ trong chân lý không sinh không diệt mà nhìn ra để giúp đỡ cuộc đời thì cũng thấy có sinh có diệt, có đến có đi, nhưng cái sinh diệt đến đi này là sinh diệt đến đi trong tính Không, trong như huyễn.

Với ba tính, người ta có thể đạt đến Chân Như, nghĩa là đạt đến “Pháp giới Một Tướng”, Nhất Chân Pháp Giới. Theo Duy thức, hành trình đi từ Biến kế qua Y tha, đến Viên thành là quá trình đi từ tướng vào tính, là tiến trình đi từ cái giả đến cái thật, tương đối và đến cái thật tuyệt đối.

Tác giả: **Thích nữ Liên Phú** - Học viên Cao học K.3, ngành Triết học Phật giáo

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Chú thích:

(1) Thích Thiện Toàn (2018), *Nghiên cứu về duy thức học*, Nxb Hồng Đức, TP. HCM, tr.5-8.

(2) Lâm Như Tạng, *Thức thứ tám*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM, 2006, tr.391.

(3) Thích Thiện Toàn, *Op.cit*, tr.110.

(4) Lâm Như Tạng, *Sđd*, tr.395.

Tài liệu tham khảo:

Nguồn chính:

[1]. Huyền Trang (2009), *Thành duy thức luận, Tuệ Sĩ dịch và chú giải*, Nxb. Hồng Đức, Tp. HCM.

[2]. Lâm Như Tạng (2006), *Thức thứ tám*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM.

[3]. Thích Nhất Hạnh (1996), *Giảng luận duy biểu học*, Lá bối.

[4]. Thích Thiện Toàn (2018), *Nghiên cứu về duy thức học*, Nxb Hồng Đức, TP. HCM.

Nguồn internet:

[1]. Thích Tính Tuệ (2011), “Ba tính chất của đời sống hay Ba tự tính của Duy Thức,” Thư viện Hoa Sen, truy cập ngày 14/3/2025, tại: <https://thuvienhoasen.org/a11429/ba-tinh-chat-cua-doi-song-hay-ba-tu-tanh-cua-duy-thuc>